TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Ông Nguyễn Đình Thế.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Đình Đông Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 661/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Liễu Thị Minh N, sinh năm 1992; thường trú: Số 49, đường N, khu phố L, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 40/2A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mai Anh T, sinh năm 1990; thường trú: Số 49, đường N, khu phố L, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3. Người làm chứng:

- Ông Liễu Văn M, sinh năm 1964; thường trú: Số 144/22/4a, khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Chị Nguyễn Mai Hồng N, sinh năm 1984; thường trú: Số 49, đường N, khu phố L, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Liễu Thị Minh N đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Mai Anh T tìm hiểu nhau khoảng 07 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyển số 01, ngày 08/12/2010.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T sinh sống tại số 49, đường N, khu phố L, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Đến năm 2016, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N chuyển đến sinh sống, tạm trú tại số 40/2A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương và anh chị sống ly thân cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chung thủy, có người phụ nữ khác nên hay đi sớm về khuya, không quan tâm chăm sóc đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, có lúc anh T còn đánh chị, mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hà Gia B, sinh ngày 15/6/2011 và Nguyễn Hà Kim N, sinh ngày 29/10/2013. Tại đơn khởi kiện, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Sau đó, chị N đã thay đổi khởi kiện yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Chị N chịu theo quy định pháp luật.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Mai Anh T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập làm việc để làm bản tự khai, cung cấp chứng cứ vào ngày 27/7/2018; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/8/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 06/9/2018 và ngày 24/9/2018, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 20/7/2018 tại UBND phường T thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường T không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng và về vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Liễu Thị Minh N và anh Nguyễn Mai Anh T, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Tại bản tự khai ngày 08/7/2018, cháu Nguyễn Hà Gia B, sinh ngày 15/6/2011 có ý kiến: Con là con của ba Nguyễn Mai Anh T và mẹ Liễu Thị Minh N. Nếu ba mẹ con ly hôn, con xin được sống với mẹ.

- Lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Mai Hồng N: Tôi là chị ruột của Nguyễn Mai Anh T, hiện ở chung nhà với T và gia đình. Đến năm 2016, vợ chồng T mâu thuẫn nên em dâu tôi dọn ra ở riêng và cả hai sống ly thân cho đến nay. T làm nghề tài xế, còn vợ T hiện nay làm công nhân và buôn bán thêm quần áo trên mạng. Quá trình chung sống vợ chồng T ban đầu cũng hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn do T làm nghề tài xế nên không thường xuyên ở nhà. Vợ chồng T cũng hay cãi nhau về việc T không phụ giúp chăm lo các con.

- Lời khai của người làm chứng ông Liễu Văn M: Tôi là cha ruột của Liễu Thị Minh N. Năm 2016, vợ chồng con tôi mâu thuẫn nên con tôi dọn ra ở riêng và cả hai sống ly thân cho đến nay. T làm nghề tài xế, còn con tôi hiện nay làm công nhân và buôn bán thêm quần áo trên mạng. Quá trình chung sống vợ chồng con tôi phát sinh mâu thuẫn: T làm nghề tài xế nên không thường xuyên ở nhà, nghe con tôi nói T đang có người phụ nữ khác nên hay đi sớm về khuya, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng cũng hay cãi nhau, có lúc T còn đánh con tôi.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Liễu Thị Minh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Mai Anh T được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị N và anh T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, không thể hàn gắn và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Về con chung, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N có thu nhập đảm bảo việc nuôi con nên yêu cầu này của chị N là phù hợp. Mặt khác, nếu anh chị ly hôn, nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà Gia B xin được sống với mẹ. Thực tế anh T làm nghề tài xế nên cũng không thường xuyên ở nhà, cũng không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Liễu Thị Minh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Mai Anh T và được nuôi con chung nên đây là vụ án "Tranh

chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Liễu Thị Minh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Mai Anh T được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Liễu Thị Minh N và anh Nguyễn Mai Anh T là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyển số 01, ngày 08/12/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị N xác định trong quá trình chung sống với anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ năm 2016, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N về sinh sống ở số 40/2A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương và anh chị sống ly thân cho đến nay. Chị N trình bày những mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Do tình trạng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2016 đến nay nên chị N xác định không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân và không còn tình cảm với anh T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị N. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Liễu Thị Minh N và anh Nguyễn Mai Anh T có 02 con chung là Nguyễn Hà Gia B, sinh ngày 15/6/2011 và Nguyễn Hà Kim N, sinh ngày 29/10/2013. Chị N yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị N. Xét trong thời kỳ hôn nhân anh T cũng không phụ giúp chị N chăm lo cho các con, mặt khác anh T làm nghề tài xế nên không thường xuyên ở nhà. Chị N làm công nhân và buôn bán, hiện tại thu nhập của chị đảm bảo lo cho con, mặt khác hai con còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, do đó yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Liễu Thị Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Liễu Thị Minh N phải chịu án phí theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Liễu Thị Minh N đối với bị đơn anh Nguyễn Mai Anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Liễu Thị Minh N được ly hôn với anh Nguyễn Mai Anh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyển số 01 ngày 08/12/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hà Gia B, sinh ngày 15/6/2011 và Nguyễn Hà Kim N, sinh ngày 29/10/2013 cho chị Liễu Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Liễu Thị Minh N không yêu cầu anh Nguyễn Mai Anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Liễu Thị Minh N và anh Nguyễn Mai Anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung chưa thành niên; không ai được lạm dụng việc thăm nom cản trở các quyền này. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung, nợ chung về tài sản: Chị Liễu Thị Minh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Liễu Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019671 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường T,
  thị xã D, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng